

XÂY DỰNG TÂY NGUYÊN THÀNH VÙNG KINH TẾ ĐỘNG LỰC, VỮNG CHẮC VỀ AN NINH, QUỐC PHÒNG

LÊ HỒNG ANH *

Tây Nguyên là địa bàn có vị trí chiến lược hết sức quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng - an ninh, có những lợi thế, tiềm năng phát triển kinh tế nhưng cũng là một địa bàn phức tạp, nơi các thế lực thù địch thường lợi dụng để tiến hành các hoạt động chống phá ta nhằm gây mất ổn định về an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Quyết định 168 của Thủ tướng Chính phủ là dấu mốc quan trọng mở ra thời kỳ phát triển mới của Tây Nguyên. Sau hơn 5 năm thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đảng và Chính phủ, Tây Nguyên đã từng bước vươn lên trở thành vùng kinh tế động lực của cả nước, vững chắc về an ninh, quốc phòng.

TÂY Nguyên có tổng diện tích 54,460 km², gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, có 58 đơn vị hành chính cấp huyện, 691 đơn vị hành chính cấp xã, hơn 6,9 nghìn thôn, buôn, bon, làng, tổ dân phố. Tây Nguyên bao gồm 4 tỉnh cổ đường biên giới giáp với hai nước Lào và Cam-pu-chia dài 590 km, với 4 cửa khẩu quốc tế (trong đó có 2 cửa khẩu quốc tế, 1 quốc gia và 1 đang được đề nghị xây dựng). Dân số đến cuối năm 2006 là 4,81 triệu người, trong đó có 12 dân tộc thiểu số tại chỗ, đông nhất là người Gia rai, Ê-đê, Ba-na, Cơ-ho... Ngoài ra còn các dân tộc thiểu số từ nơi khác đến, đặc biệt là từ

vùng núi phía bắc: Nùng, Tày, Mông... Các dân tộc tại chỗ Tây Nguyên mặc dù thuộc hai nhóm ngôn ngữ chủ yếu là Nam Đảo, Nam Á, nhưng có nhiều điểm tương đồng: đơn vị tổ chức xã hội cao nhất là buôn, làng (buôn, bon, plây...), theo kiểu truyền thống mang dấu ấn của công xã mẫu hệ, với sinh hoạt cộng đồng bền chặt, ý thức cộng đồng rất cao. Nhiều buôn, bon, làng, plây cổ truyền của đồng bào các dân tộc thiểu số đến nay vẫn giữ được những đặc điểm cấu trúc, sinh hoạt văn hóa truyền thống đặc trưng và hết sức đa dạng.

* Đại tướng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an, Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Nguyên

Sau hơn 5 năm thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Quyết định 168 của Thủ tướng Chính phủ, từ năm 2002 đến nay, Tây Nguyên đã đạt được những kết quả quan trọng. Các nguyên nhân cơ bản khởi nguồn cho những kết quả trên là do: Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương, chính sách đúng đắn, kịp thời để ổn định và phát triển vùng Tây Nguyên; sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt và phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành với địa phương trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhất là trên lĩnh vực bảo đảm an ninh, quốc phòng. Kịp thời triển khai nhiệm vụ trọng tâm, địa bàn trọng điểm để giải quyết vấn đề bức xúc về kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ban hành những chính sách phù hợp với đặc thù của Tây Nguyên (đất đai, tôn giáo, tổ chức, cán bộ...) nhằm bảo đảm sự ổn định trước mắt cũng như lâu dài. Đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đã nhận thức ngày càng rõ hơn về sự quan tâm của Đảng, Nhà nước trong việc quyết tâm xây dựng Tây Nguyên phát triển toàn diện, bền vững.

THÀNH TỰU TRÊN CÁC LĨNH VỰC.

Phát triển kinh tế - xã hội

Kinh tế Tây Nguyên 5 năm qua duy trì tăng trưởng ở mức cao và có những sự chuyển dịch theo hướng tích cực. Giai đoạn 2001 - 2005, GDP bình quân tăng 10,05%, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng nâng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông - lâm nghiệp. Nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt khá như: thu ngân sách năm 2006 gấp 2,6 lần năm 2001 và tăng 23% so với năm 2005, GDP bình quân đầu người năm 2006 đạt hơn 6,6 triệu đồng, tăng 23% so với năm 2005.

Các lĩnh vực sản xuất và đời sống (nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số) đều có bước phát triển. Nông nghiệp mặc dù chịu nhiều ảnh hưởng của hạn hán, thời tiết bất thường, hệ thống thủy lợi chưa đồng bộ nhưng vẫn duy trì được mức tăng ổn định (7,04%/năm), chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành những vùng sản xuất tập trung, chuyên canh với khối lượng sản phẩm lớn và dần tạo lập được lợi thế cạnh tranh trên thị trường nội địa, cũng như xuất khẩu.

Công nghiệp tuy chiếm tỷ trọng thấp trong tổng giá trị sản xuất, nhưng đã tăng 15,3%/năm, góp phần làm cho khu vực công nghiệp - xây dựng cơ bản tăng 20,91%/ năm, trong đó nổi bật là việc phát triển nhanh thủy điện. Tây Nguyên hiện nay đã trở thành công trường điện lớn nhất toàn quốc với hàng loạt các dự án được xây dựng như: Ya Ly, Plây Krông, Buôn Kuốp, Sê San 3, Hàm Thuận - Đa Mi... Tổng công suất của các nhà máy thủy điện dự kiến sẽ lên tới 5.000 MW, chiếm 25% sản lượng của cả nước vào năm 2010. Lưới điện đô thị từng bước được hoàn chỉnh với việc mở rộng mạng lưới hạ thế và cấp thế cho hàng nghìn buôn làng.

Đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đạt nhiều kết quả, trong đó đã đầu tư 7 công trình thủy lợi trọng điểm tưới cho 20 nghìn ha; giao thông phát triển khá, nâng cấp 3 sân bay, 70 tuyến quốc lộ và tỉnh lộ, hàng trăm tuyến đường liên xã; trên 99% số xã đã có đường ô-tô đến trung tâm, hơn 80% hộ xem được truyền hình, 91% số xã đã có báo chí đến hàng ngày...

Chính sách của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã có những kết quả nhất định: giao 20 nghìn héc-ta đất cho trên 44 nghìn hộ đồng bào dân tộc thiểu số; vận dụng linh hoạt

phương châm: "nhân dân tự làm, cộng đồng giúp đỡ, nhà nước hỗ trợ" từng bước giải quyết nhu cầu nhà ở, nước sinh hoạt cho đồng bào.

Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội cũng đạt được nhiều kết quả tích cực. Về giáo dục, trên 99% số xã đạt chuẩn phổ cập tiểu học và chống tái mù chữ, gần 35% số xã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Cơ sở trường, lớp được cải thiện với hệ thống 54 trường nội trú và gần 12 nghìn học sinh. Đại học Tây Nguyên, Đại học Đà Lạt trở thành trung tâm đào tạo lớn của toàn vùng. Năm 2005, Đại học Tây Nguyên đào tạo được trên 5,5 nghìn sinh viên, trong đó sinh viên dân tộc thiểu số chiếm 12,2% và đã bố trí công tác đạt 98%.

Về y tế, toàn vùng có trên 1,5 nghìn cơ sở y tế các loại, với tổng số 7,6 nghìn giường bệnh. Riêng tuyến xã, gần 100% các xã, phường, thị trấn có trạm y tế, 1,5 triệu người được cấp thẻ khám bệnh miễn phí. Đối với công tác giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, trung bình mỗi năm tạo được 73 nghìn việc làm mới, số hộ nghèo năm 2005 giảm còn 8,7% (theo chuẩn mới là 22,8%).

Về văn hóa - thông tin, tập trung vào việc xây dựng đời sống văn hóa ở buôn làng, đầu tư để nghiên cứu, sưu tầm sử thi, văn học dân gian, biên soạn luật tục của các dân tộc, bảo tồn các buôn làng cổ truyền, khôi phục nhà rông, nhà dài... Đặc biệt, không gian văn hóa công nghệ Tây Nguyên đã được UNESCO công nhận là "kiệt tác truyền khẩu và di sản phi vật thể của nhân loại". Hiện nay, toàn vùng có hơn 1,1 nghìn điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng buôn làng, 780 nhà rông văn hóa, trên 2 nghìn điểm bưu điện văn hóa xã. Các đài phát thanh địa phương đã phát ổn định với thời lượng khá lớn, bằng nhiều thứ tiếng

đồng bào dân tộc thiểu số như: Ê-đê, Ba-na, Gia-rai, Xơ-đăng...

Bảo đảm quốc phòng, an ninh

Tây Nguyên là địa bàn hoạt động của bọn Fulro cũ và Fulro mới trong những năm qua đã được giải quyết cơ bản song còn nhiều cơ sở xã hội của Fulro trong và ngoài nước mà địch có thể lợi dụng kích động hoạt động biểu tình bạo loạn chống phá ta. Bên cạnh đó, số cơ sở địch nguy còn nhiều, một số vẫn chưa chịu cải tạo, là cơ sở để các thế lực thù địch lôi kéo, lợi dụng chống phá ta nhất là trong điều kiện quan hệ Việt - Mỹ được bình thường hóa và Việt Nam gia nhập WTO. Vì vậy, cùng với việc xây dựng phát triển kinh tế, xã hội phải tập trung xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, tăng cường lực lượng chuyên trách chống Fulro, việc xây dựng thực lực chính trị ở các địa bàn trọng điểm để bám dân, nắm tình hình được coi trọng, kịp thời phát hiện, ngăn chặn âm mưu tổ chức biểu tình, bạo loạn, kích động vượt biên ô ạt... Những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Đảng, Chính phủ, các cấp ủy đảng, chính quyền ở Tây Nguyên đã huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị vào sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự, trong đó lực lượng công an là nòng cốt nên về cơ bản, chúng ta đã làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới, ngăn chặn âm mưu thành lập "Nhà nước Đê-ga".

Trên tuyến biên giới, kết cấu hạ tầng được nâng cấp, xây dựng thêm hàng chục đồn biên phòng, bố trí dân ra sát biên giới để hình thành các khu vực kinh tế kết hợp với quốc phòng. Trong nội địa, tập trung giải quyết cơ bản số Fulro lẩn trốn, xóa hàng trăm khung "chính quyền Đê-ga" các cấp; bóc gỡ, giáo

dục, cảm hóa được hàng nghìn đối tượng liên quan đến Fulro, làm cho lực lượng Fulro bị tan rã về tổ chức. Hàng trăm tên cầm đầu gây rối, biểu tình, tổ chức vượt biên trái phép, chống người thi hành công vụ đã bị bắt, xử lý và đưa ra truy tố trước pháp luật.

Tập trung giải quyết tốt hơn vấn đề an ninh nông thôn và tư tưởng cho quần chúng. Sau hai cuộc biểu tình, bạo loạn, một bộ phận đồng bào nhận thức mơ hồ về "Nhà nước Đê-ga", bị ảnh hưởng tư tưởng tự trị, dao động trước luận điệu truyền truyền của các thế lực thù địch. Một số thanh niên bị kẻ xấu lôi kéo tham gia vào những việc sai trái như: phá rừng làm rẫy, tụ tập đông người để quậy phá, gây áp lực với chính quyền, làm ảnh hưởng lớn đến an ninh nông thôn. Trước tình hình đó, chúng ta đã tập trung nỗ lực để ổn định tư tưởng cho đồng bào, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục làm cho nhiều người nhận ra bản chất, âm mưu của tổ chức phản động "Nhà nước Đê-ga". Thực hiện chủ trương tăng cường cán bộ và đội công tác xuống cơ sở, đẩy mạnh việc giao lưu, kết nghĩa, thực hiện phương châm: "tỉnh bám xã, huyện bám làng, xã bám đến hộ dân". Có những lúc cao điểm, toàn vùng huy động gần 10 nghìn cán bộ xuống cơ sở nhằm tập trung tuyên truyền, phát động, kịp thời xử lý các tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ dân cư.

Trên lĩnh vực ngoại giao, chúng ta đã thiết lập được cơ chế hợp tác giữa ba nước Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia, nhất là tranh thủ sự ủng hộ của nước bạn Cam-pu-chia. Đấu tranh quyết liệt, buộc Cao ủy Liên hợp quốc về người tị nạn (UNHCR) xóa hai trại tị nạn ở Mon-đu-ki-ri và Rát-ta-na-ki-ri. Mặc dù, các thế lực thù địch vẫn tiếp tục kích động về những vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền, đưa ra những luận điệu xuyên tạc về

"vấn đề người Thượng", làm nhiều nước hiểu sai về vấn đề Tây Nguyên, nhưng chúng ta vẫn chủ động cho phép và tạo điều kiện cho trên 140 đoàn ngoại giao, báo chí, tổ chức nước ngoài đến nghiên cứu thực tiễn tình hình, hiểu đúng hơn về những chính sách nhất quán, đúng đắn của Việt Nam.

Công tác tôn giáo, chủ trương đối với đạo Tin lành

Trước và sau sự kiện tháng 02-2001, vấn đề tôn giáo nói chung và Tin lành nói riêng ở Tây Nguyên đã bị các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá, bằng cách vu cáo ta đàn áp tôn giáo, cảm đoán người dân tộc thiểu số theo đạo. Bọn Fulro lưu vong móc nối với số bên trong, hình thành cái gọi là "Tin lành Đê-ga", lôi kéo gần 20 nghìn người tham gia nhằm làm chỗ dựa cho hoạt động của chúng. Số cầm đầu Tin lành chưa được công nhận tư cách pháp nhân chuyển ra hoạt động công khai, hình thành hàng trăm ban chấp sự bất hợp pháp.

Trong bối cảnh phức tạp, nhạy cảm đó, để bảo đảm nhu cầu tự do tín ngưỡng của nhân dân, chống lại sự lợi dụng của bọn phản động, quán triệt tinh thần lãnh đạo của Trung ương, ngay từ năm 2001, các tỉnh ở Tây Nguyên đã từng bước đưa sinh hoạt tôn giáo của đạo Tin lành vào quản lý bằng pháp luật. Đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, vạch rõ bản chất lợi dụng tôn giáo, đạo Tin lành của các thế lực thù địch, cũng như tính chất phản động, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc của chúng, đấu tranh kiên quyết xóa bỏ "Tin lành Đê-ga". Các tỉnh ở Tây Nguyên đã có nhiều nỗ lực trong việc "bình thường hóa" hoạt động của đạo Tin lành, 79 chi hội đã được công nhận với trên 79 nghìn tín đồ, đăng ký sinh hoạt cho trên 720 điểm, nhóm. Các nhu

cầu bình thường khác như: phong chức, đào tạo chức sắc, xây dựng nơi thờ tự... được các cấp chính quyền quan tâm giải quyết, góp phần tạo ra sự ổn định chính trị - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta đối với tôn giáo nói chung và đạo Tin lành ở Tây Nguyên nói riêng luôn đúng đắn, nhất quán thể hiện sự quan tâm cao. Việc đưa hoạt động tôn giáo của đạo Tin lành trở thành sinh hoạt bình thường đã được đồng đảo tín đồ, chức sắc tôn giáo phấn khởi, tin tưởng, qua đó góp phần củng cố, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, làm thất bại âm mưu lợi dụng tôn giáo để chống phá của các thế lực thù địch. Dư luận quốc tế cũng đánh giá cao việc bình thường hóa hoạt động tôn giáo của đạo Tin lành ở Tây Nguyên.

Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở

Trong gần 6 năm qua, các đơn vị hành chính ở Tây Nguyên đã được điều chỉnh, kiện toàn một cách hợp lý, nâng số tỉnh từ 4 lên 5, đơn vị cấp huyện từ 48 lên 58, cấp xã từ 613 lên 691, thôn, buôn từ trên 5,8 nghìn lên trên 6,9 nghìn. Các tỉnh cũng triển khai nhiều nghị quyết, chương trình hành động cụ thể về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể, củng cố thôn, buôn và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở.

Hệ thống chính trị cơ sở ở các tỉnh Tây Nguyên đã được tập trung củng cố, toàn vùng đến đầu năm 2007 có hơn 3,2 nghìn tổ chức cơ sở đảng, gần 9,5 nghìn chi bộ trực thuộc với hơn 107,3 nghìn đảng viên (trong đó có 18,3 nghìn đảng viên người dân tộc thiểu số và 2,1 nghìn đảng viên là người có đạo). Tỷ lệ thôn, buôn "trắng" tổ chức đảng thu hẹp chỉ còn 25,2%, không có đảng viên còn 4,08%.

Bộ máy và cán bộ chính quyền, đoàn thể ở cấp xã đã được tập trung kiện toàn, chuẩn hóa một bước, thông qua việc nâng cao chất lượng hoạt động đồng đều hơn, cải tiến thủ tục hành chính, thực hiện Quy chế Dân chủ, giảm phiền hà cho người dân. Nhiều tỉnh chủ động tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng về làm việc tại xã để nâng cao chất lượng đội ngũ công chức; chú trọng quy hoạch, bồi dưỡng, tạo nguồn đội ngũ cán bộ xã, thôn, buôn, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số. Chủ động bố trí thêm biên chế cho các chức danh cần thiết ở cấp xã như: chủ tịch Hội Liên hiệp thanh niên, trưởng Khối Dân vận, phó chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, cán bộ tổ chức, tuyên giáo... Mặt trận và các đoàn thể tích cực phát triển chi hội, kết nạp đoàn viên, hội viên, gắn với việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động để nâng cao hiệu quả và chuyển trọng tâm công tác hệ xuống các địa bàn dân cư và vùng đồng bào dân tộc.

Cùng với việc tăng cường, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, công tác bám dân, phát động quần chúng được tập trung thực hiện với nhiều chủ trương, giải pháp. Các cấp, ngành, đội công tác tăng cường hoạt động sát dân, tổ chức tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng, củng cố niềm tin của đồng bào vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, góp phần làm chuyển biến nhận thức tư tưởng của đa số đồng bào.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TÂY NGUYÊN VÀ VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

Hơn 5 năm qua, Tây Nguyên đã có những bước chuyển mình phát triển thực sự, nhưng bên cạnh đó, tiềm lực kinh tế và mức sống của

nhân dân còn thấp so với mặt bằng chung của cả nước, nhiều địa phương vẫn trong tình trạng kém phát triển. Nhiệm vụ của toàn vùng trong những năm tới là tập trung khai thác các tiềm năng, thế mạnh, tranh thủ tối đa sự hỗ trợ của Trung ương, phát huy nội lực, tạo bước đột phá trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tăng trưởng GDP, tạo tiền đề xây dựng Tây Nguyên trở thành vùng kinh tế động lực, vững chắc về an ninh, quốc phòng như tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị. Thực hiện những mục tiêu trên, Tây Nguyên cần tập trung:

Thứ nhất, phát huy nội lực, đồng thời cần đổi mới chính sách, cải thiện môi trường đầu tư, huy động cao nhất các nguồn lực từ bên ngoài để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Hoàn chỉnh quy hoạch phát triển công, nông nghiệp, dịch vụ và lựa chọn những ngành, lĩnh vực có nhiều tiềm năng, thế mạnh làm khâu đột phá cho tăng trưởng của từng vùng, địa phương.

Thứ hai, tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng nông thôn và hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất của vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Ưu tiên đầu tư cho giao thông, thủy lợi, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, du lịch, gắn với phát triển khoa học - công nghệ và công nghiệp chế biến, xuất khẩu.

Thứ ba, phát triển kinh tế đi đôi với giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất, rừng, nguồn nước. Rà soát và quy hoạch tổng thể về rừng, đất sản xuất... để tiếp tục có chủ trương, chính sách giải quyết đất đai, phát triển nghề rừng. Cần tập trung nguồn lực của Nhà nước, kể cả vay vốn nước ngoài để thực hiện các dự án chăm sóc, bảo vệ và

phát triển rừng, đưa nghề rừng trở thành một ngành chính nhằm giữ môi trường sinh thái, thu hút lao động, giải quyết việc làm, giải tỏa áp lực về thiếu đất đai hiện nay đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Bảo tồn những giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc, phát triển nhà văn hóa cộng đồng, tiếng nói, chữ viết truyền thống của các địa phương...

Thứ tư, khi di dời dân để xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi... phải đầu tư giải quyết tốt các khu tái định cư, nhất là đất đai để bảo đảm sản xuất, việc làm và phù hợp với phong tục, tập quán để người dân ổn định cuộc sống lâu dài. Với những chủ trương, chính sách đã ban hành có nhiều chương trình, dự án, đầu mối khác nhau cần có sự phối hợp, lồng ghép để tập trung nguồn lực giải quyết các vấn đề đặt ra. Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, cùng với việc đầu tư, hỗ trợ để đẩy mạnh sản xuất cần có đội ngũ cán bộ am hiểu về kỹ thuật, quản lý để hướng dẫn đồng bào sản xuất. Tăng cường và tổ chức lại lực lượng khuyến nông, khuyến lâm có mặt ở từng buôn, làng để giúp đỡ những hộ còn khó khăn, thiếu kinh nghiệm.

Thứ năm, coi trọng việc nâng cao dân trí đối với đồng bào dân tộc và công tác đào tạo đội ngũ cán bộ. Mở rộng thêm các trường nội trú, bán trú, tạo điều kiện cho con em ở vùng sâu, vùng xa được học tập, kể cả bậc học mầm non. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ, có chính sách đặc biệt, nhất là với cán bộ cơ sở ở các buôn, làng. Đầu tư ngân sách phát triển các trường dạy nghề để thu hút thanh niên dân tộc vào học tập và tiếp cận các ngành nghề mới. Đây là chiến lược lâu dài để đồng bào thiểu số có thể tiếp cận với công nghệ sản xuất hiện đại. □